

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

PHẠM VĂN HỒNG. ***Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế***

Chuyên ngành: Kinh tế, quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân

Mã: 5.02.05

Sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 07 (khoá IX) của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước phát triển nhanh và ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Trong quá trình đó, các doanh nghiệp Việt Nam cũng ngày càng trưởng thành, lớn mạnh và tham gia hoạt động mạnh mẽ trên thị trường thế giới. Bên cạnh một số doanh nghiệp Việt Nam đã trưởng thành, lớn mạnh, còn nhiều doanh nghiệp Việt Nam một mặt đang phải cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn trong nước, mặt khác phải cạnh tranh ngày càng quyết liệt với các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế lớn của nước ngoài. Hiện tại chúng ta đã phải thực hiện các cam kết gia nhập WTO, các khoản trợ cấp và bảo hộ đối với doanh nghiệp trong nước trái với quy định của WTO sẽ phải loại bỏ. Hơn thế nữa, chúng ta còn phải thực hiện các cam kết trong hội nhập khu vực, trong chương trình thuộc khung khổ hợp tác ASEAN- Trung Quốc với mức độ mở cửa thị trường lớn hơn và sớm hơn. Những vấn đề này đang và sẽ đặt ra những tình thế mới, cơ hội và thách thức mới đối với doanh nghiệp Việt Nam.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu khác nhau liên quan đến phát triển

doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) ở Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu về phát triển DNVVN ở Việt Nam trong bối cảnh mới của hội nhập kinh tế quốc tế hiện còn thiếu tính hệ thống và chưa đầy đủ.

Với những lý do trên, nghiên cứu sinh Phạm Văn Hồng đã lựa chọn vấn đề “*Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế*” làm đề tài nghiên cứu cho bản luận án tiến sĩ của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, bản luận án gồm 3 chương, 8 tiết, 181 trang.

Chương I: *Một số vấn đề lý luận cơ bản về phát triển DNVVN trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế* (tr.4-50).

Tác giả hệ thống hoá một số vấn đề lý luận liên quan đến sự phát triển DNVVN như khái niệm, đặc điểm và vai trò của DNVVN đối với quá trình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước; đồng thời khẳng định vai trò to lớn của DNVVN ở các khía cạnh: 1/ *kinh tế*, đóng góp vào kết quả hoạt động của nền kinh tế; thu hút vốn và khai thác các nguồn lực sẵn có trong dân cư; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế; góp phần tăng cường và phát triển các mối quan hệ kinh tế; là cơ sở hình thành các doanh nghiệp lớn; 2/ *xã hội*, tạo ra việc làm cho người lao động, góp phần giảm tỉ lệ thất nghiệp; nâng cao thu nhập của dân cư góp phần xoá đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội; tạo điều kiện phát triển các tài năng kinh doanh.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tác giả cho rằng hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra nhiều cơ hội cho các DNVVN Việt Nam như giúp các DNVVN

tiếp cận với các nguồn vốn quốc tế; tiếp cận nhanh chóng công nghệ hiện đại; tạo cơ hội cho các DNVVN tham gia sâu vào quá trình phân công lao động quốc tế, trở thành vệ tinh của các tập đoàn lớn trên thế giới, nhưng do các DNVVN bị hạn chế về quy mô, vốn, trình độ công nghệ, trình độ quản lý... nên gặp nhiều khó khăn, thách thức hơn các doanh nghiệp khác trong quá trình hội nhập.

Phần cuối chương này, tác giả phân tích và tổng kết kinh nghiệm phát triển DNVVN trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của một số nước trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và Thailand nhằm rút ra một số bài học cho DNVVN Việt Nam.

Chương II (tr.51-112), trên cơ sở xem xét khái quát môi trường thể chế phát triển DNVVN ở Việt Nam và nêu lên các biện pháp hỗ trợ phát triển DNVVN, đồng thời nêu rõ những vấn đề đặt ra cho việc hoàn thiện môi trường thể chế phát triển DNVVN ở Việt Nam, tác giả tiến hành phân tích *thực trạng phát triển DNVVN ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*, giới hạn trong giai đoạn sau đổi mới (sau năm 1987), đặc biệt là sau khi có Luật Doanh nghiệp (2000).

Tác giả khẳng định, DNVVN Việt Nam đã có những thành công bước đầu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Thực tế cho thấy, nhiều DNVVN đã chủ động đổi mới quy trình công nghệ, đưa cán bộ đào tạo chuyên nghiệp ở trong và ngoài nước, lựa chọn các ngành nghề đòi hỏi công nghệ cao và đã dành được những thành công bước đầu. Tuy nhiên, các DNVVN còn có nhiều bất cập như trình độ công nghệ của phần lớn DNVVN chưa cao, quản lý doanh nghiệp chủ yếu dựa trên kinh nghiệm, thiếu kỹ năng bán hàng và marketing, năng lực cạnh tranh sản phẩm thấp. Tác giả đã phân tích và có những đánh giá chung về thực

trạng DNVVN trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế như sau:

Năng lực cạnh tranh của DNVVN đã được cải thiện đáng kể trong những năm qua. Từ kết quả điều tra của tác giả cho thấy có 56,68% DN hiểu rõ năng lực cạnh tranh của DN và thậm chí các DNVVN còn đưa ra nhiều biện pháp hiệu quả để nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập.

Năng lực tài chính của các DNVVN còn hạn chế. Các DNVVN có tiềm lực tài chính nhỏ. Bình quân số vốn của DNVVN chỉ khoảng 1.800 triệu đồng (năm 2002). Bên cạnh đó việc tiếp cận các nguồn tài chính từ các tổ chức tín dụng tuy đã được cải thiện nhưng còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ các DNVVN vay được vốn ngân hàng khoảng 57%, tuy nhiên lượng vốn vay không nhiều và thời gian cũng như thủ tục vay vốn còn nhiều phức tạp.

Chủ DNVVN còn tương đối trẻ, có trình độ học vấn cao. Tuổi đời các chủ DNVVN phần lớn là từ 45 trở xuống cho thấy lớp trẻ ngày càng quan tâm đến việc lập nghiệp kinh doanh. Trình độ học vấn của các chủ DNVVN cũng ngày càng cao. Tuy nhiên, kinh nghiệm thương trường, kinh nghiệm quản lý, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tư duy marketing và các kỹ năng kinh doanh khác của các chủ DNVVN còn nhiều hạn chế.

Trình độ công nghệ còn lạc hậu, chậm được cải tiến. Bên cạnh một số DNVVN hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao hoặc đã đầu tư công nghệ mới, thì hầu hết các DNVVN chưa đổi mới nhiều về công nghệ. Việc đổi mới quy trình công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động kinh doanh, đầu tư vào nghiên cứu và triển khai của các DNVVN cần được xem xét và đẩy mạnh hơn nữa trong quá trình hội nhập quốc tế để có thể tạo ra các sản phẩm tốt nhất

cung cấp cho thị trường.

Trình độ marketing và bán hàng của các DNVVN còn hạn chế. Việc chủ động tìm kiếm thị trường, chủ động đưa ra các chương trình marketing cho sản phẩm hàng hoá của mình chưa thành thói quen của các DNVVN. Các kỹ năng kinh doanh khác như kỹ năng đàm phán, kỹ năng thuyết trình và thuyết phục của người lao động và các chủ DNVVN còn yếu kém.

Chương III: *Phương hướng và giải pháp phát triển DNVVN ở Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế* (tr.113-148).

Trên cơ sở quan điểm và mục tiêu phát triển DNVVN của Chính phủ về phát triển DNVVN, tác giả chỉ rõ 3 phương hướng phát triển DNVVN Việt Nam trong thời gian tới là: lựa chọn các ngành mà DNVVN có lợi thế; ưu tiên phát triển DNVVN ở khu vực nông thôn; và phát triển DNVVN thông qua phát triển thầu phụ công nghiệp và các ngành công nghiệp phụ trợ; đồng thời tác giả cũng đề xuất ba nhóm giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển DNVVN trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nhóm một, đối với Nhà nước: 1/ cần đẩy mạnh tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế; khơi dậy tinh thần kinh doanh của mọi người dân, nâng cao nhận thức của xã hội đối với DNVVN; 2/ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Luật Doanh nghiệp; 3/ đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng phục vụ doanh nghiệp; 4/ hoàn thiện chính sách tài chính-tín dụng cho DNVVN; 5/ hoàn thiện chính sách thuế; 6/ xây dựng chiến lược đào tạo

nguồn nhân lực cho DNVVN; 7/ một số giải pháp khác như: củng cố hệ thống các cơ quan hỗ trợ DNVVN trên toàn quốc, hỗ trợ các chính quyền địa phương nhằm nâng cao năng lực hoạch định chính sách phát triển DNVVN, đơn giản hoá thủ tục thuê đất của DNVVN và trợ giúp các DNVVN đổi mới công nghệ.

- Nhóm hai, đối với các hiệp hội: 1/ đẩy mạnh việc thực hiện Luật về hội nhằm tạo điều kiện cho các hiệp hội tham gia trực tiếp và có hiệu quả hơn vào quá trình hoạch định chính sách và pháp luật kinh tế có liên quan đến từng ngành nghề và cộng đồng doanh nghiệp; 2/ cần nghiên cứu mở rộng việc Chính phủ uỷ quyền cho các hiệp hội thực hiện một số hoạt động tác nghiệp ít có giá trị điều hành vĩ mô nhằm xã hội hoá một số hoạt động có liên quan tới DNVVN.

- Nhóm ba, đối với doanh nghiệp: 1/ xây dựng chiến lược kinh doanh; 2/ nâng cao năng lực quản lý của các DNVVN; 3/ đẩy mạnh hoạt động marketing và tìm kiếm thị trường; 4/ đào tạo và đào tạo lại người lao động trong doanh nghiệp; 5/ đổi mới công nghệ, đầu tư thích đáng vào nghiên cứu và triển khai; 6/ tích cực tham gia vào việc đóng góp ý kiến xây dựng chính sách; và 7/ nâng cao tính hợp tác giữa các DNVVN.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại trường Đại học Kinh tế quốc dân vào đầu tháng 4 năm 2007.

HOÀ AN
giới thiệu